

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 07 - 12 - 2021

V/v “Chia tài sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 về “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ ở Nhật Bản: Japan; địa chỉ ở Việt Nam: tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng N, sinh năm 1976; địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1979; địa chỉ: Japan.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn B, sinh năm 1959; địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hồ Văn H, sinh năm 1990; trú tại: tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

3.2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1948; trú tại: Bình Định, vắng mặt.

3.3. Anh Châu Ngọc H, sinh năm 1978; trú tại: tỉnh Bình Định, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Lê Thị X.

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thể hiện:

Anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị Kim C đăng ký kết hôn năm 2000 và được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2000, sau đó chị C qua Nhật Bản chung sống với anh C. Anh C và chị C có 02 người con chung là Nguyễn L, sinh năm 1998 và Võ Nhật H, sinh năm 2001. Ngày 18/4/2017, anh C và chị C được Sở hành chính thành phố A, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản ra quyết định ly hôn; về phần tài sản chung chưa được Tòa án ở Nhật bản giải quyết. Vì tài sản chung hiện ở Việt Nam, nên hướng dẫn anh C tự thỏa thuận hoặc khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn ở Tòa án Việt Nam.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh C và chị C có mua của bà Nguyễn Thị Diệu H một ngôi nhà gắn liền với Thửa đất số 110, Tờ bản đồ số 13 có diện tích 42,7m² tọa lạc tại tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q đã được chỉnh lý biến động vào ngày 29/3/2013 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278. Đến ngày 04/12/2015, được UBND thành phố bán thêm 9,1m² đất theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND thành phố Q và anh C, chị C đã nộp tiền, nhưng chưa chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận, nên tổng diện tích của thửa đất hiện nay là 51,17m².

Ngoài ra, vợ chồng anh C, chị C còn có tài sản chung là khoản tiền mặt 960.456.050đ (tính đến ngày 01/9/2016) được gửi tại Tài khoản số 0109800777 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – chi nhánh Bình Định, đứng tên chị Nguyễn Thị Kim C. Nguồn gốc từ việc vợ chồng anh C, chị C về Việt Nam bán căn nhà gắn liền với Thửa đất số lô B1-54 có diện tích 126,5m², tọa lạc tại Khu quy hoạch dân cư khu vực 2-6 phường N, thành phố Q của vợ chồng anh C, chị C.

Vì vậy, anh C yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn đối với ngôi nhà gắn liền với Thửa đất số 110, Tờ bản đồ số 13, có diện tích 42,7m² tọa lạc tại tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q đã được chỉnh lý biến động vào ngày 29/3/2013 theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278 và 9,1m² theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND thành phố Q, anh C yêu cầu được nhận nhà, đất nói trên và thanh toán lại ½ giá trị nhà, đất được chia cho chị C; yêu cầu chia khoản tiền mặt 960.456.050đ cùng tiền lãi phát sinh mà chị Nguyễn Thị Kim C đang giữ.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn H và bà Lê Thị X yêu cầu anh C cùng có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 945.000.000đ, trả cho bà X 566.000.000đ. Nguyên đơn có ý kiến như sau: Việc chị C mượn tiền của anh H và bà X thì anh C không biết và cũng không có chứng cứ gì

để chứng minh anh C có mượn tiền của anh H, bà X. Do đó, anh C không chịu trách nhiệm về những khoản nợ này của chị C. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung bản tường trình ngày 12/9/2019 của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, thể hiện:

Chị Nguyễn Thị Kim C thống nhất về quan hệ hôn nhân như anh Võ Văn C trình bày. Về nguồn gốc ngôi nhà gắn liền với Thửa đất số 110, Tờ bản đồ số 13, có diện tích 42,7m² tọa lạc tại tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q đã được chỉnh lý biến động vào ngày 29/3/2013 theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278. Đến ngày 04/12/2015 được UBND thành phố bán thêm 9,1m² đất theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND. Ngôi nhà này do chị C và mẹ ruột của chị là bà Lê Thị X dành dụm được 2,5 tỉ đồng. Số tiền này chị C gửi nhiều lần thông qua người quen gửi về cho chị ruột của chị là Nguyễn Thị Diệu H cất giữ, với ý định đầu tư kinh doanh nhà, đất. Tháng 8/2012, chị Nguyễn Thị Diệu H cũng là chị ruột của chị C đã tìm mua cho chị một ngôi nhà tôn, địa chỉ tại 56 N, thành phố Q. Tiếp theo, chị C và anh C có vay của anh Hồ Văn H số tiền 200 Man (tương đương 450.000.000đ) để mua thêm hẻm đất liền kề nhập chung vào nhà 56 N. Tuy nhiên, do nhà tôn lụp xụp không ở và cũng không bán được, chị C quyết định đầu tư xây nhà để bán kiếm lời. Ngày 18/5/2015, chị C ký hợp đồng với ông Châu Ngọc H là Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế XD-TM N (thành phố Q) trọn gói 1,8 tỉ đồng. Nguồn tiền này là do chị C vay của những người sau: Chị Nguyễn Thị Diệu T 100.000.000đ, chị Nguyễn Thị Diệu H 100.000.000đ, chị V 110.000.000đ (ở bên Nhật), vay Ngân hàng 100.000.000đ, anh C vay Ngân hàng bên Nhật Bản 400.000.000đ, bà Lê Thị X 566.000.000đ, tiền nợ của anh Hồ H 174.000.000đ, mẹ anh C 200.000.000đ (đã trả). Anh H nhận 1.750.000.000đ bằng tiền mặt từ vợ chồng chị Nguyễn Thị Diệu P, còn nợ anh H 50.000.000đ, đến nay chưa trả. Trong giá trị nhà này, anh C chỉ góp 400.000.000đ, còn lại là tiền của chị và gia đình chị đóng góp.

Về số tiền 960.000.000đ gửi tại Ngân hàng. Tháng 6/2016, chị và anh C góp tiền mua ngôi nhà tổ 13, KV2, phường N, thành phố Q. Ý định mua nhà này để xây phòng trọ kinh doanh. Mua nhà này với giá là 1.200.000.000đ, tiền chung của chị C và anh C. Sau đó bán căn nhà này lỗ, chỉ còn 1.150.000.000đ được thể hiện trong Tài khoản cá nhân của chị C số 0109800777 Ngân hàng X, tỉnh Bình Định. Số tiền này chị C dùng để trả nợ cho mẹ anh C 200.000.000đ (mượn khi mua nhà 56 N). Tiền chị bán hàng online nhập chung 40.000.000đ thành 950.000.000đ. Phần còn lại chỉ có 920.000.000đ chi tiêu chung trong gia đình, bao gồm: C tiền thuê nhà ở Nhật khi chị C và anh C mâu thuẫn, anh C đuổi con gái chị ra khỏi nhà, chi phí nuôi con

chung. Số tiền bán nhà ở chợ D, chị và anh C đã chi tiêu chung hết trong năm 2016 - 2017.

Như vậy, tài sản chung là nhà ở chợ D đã bán, chị C và anh C đã chi tiêu hết, không còn gì để chia. Riêng về ngôi nhà ở 56 N là tài sản riêng của chị C đóng góp để kinh doanh, nên chị C không đồng ý chia. Chị chỉ đồng ý trả cho anh C 400.000.000đ và tiền lãi, tổng cộng là 700.000.000đ, còn nhà là của chị.

Ngày 04/12/2020, bị đơn cung cấp Bản tường trình bổ sung nội dung:

Hiện nay, do dịch bệnh COVID 19 nên chị C không về Việt Nam được, nên mọi việc nợ nần chị nhờ mẹ chị là bà Lê Thị X giải quyết. Trong năm qua, mẹ chị đã nhận trả nợ cho hai chị T và chị H mỗi người 100.000.000đ. Như vậy, số tiền nợ của chị với mẹ chị liên quan đến ngôi nhà 56 N là 766.000.000đ. Chị đã trả cho chị V 110.000.000đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết món nợ của chị V, vì hiện nay chị V đã trở lại Nhật Bản làm việc. Như vậy số tiền đưa vào để hình thành ngôi nhà do chị và mẹ chị là bà Lê Thị X dành dụm được 2.500.000.000đ; mượn của anh Hồ H 450.000.000đ để mua đất ban đầu.

Ngày 18/5/2015, chị ký hợp đồng xây dựng nhà với anh Châu Ngọc H trọn gói là 1.800.000.000đ. Nguồn tiền để xây nhà là mượn của anh Hồ H 765.000.000đ; mượn của chị T, H, X là 566.000.000đ, chị vay Ngân hàng 100.000.000đ, anh C vay của Ngân hàng 400.000.000đ, vay của mẹ anh C 200.000.000đ (chị đã trả xong). Tổng cộng là 2.031.000.000đ. Thực tế đã chi trả cho anh H 1.750.000.000đ, còn nợ anh H 50.000.000đ; chị và anh C nợ chung của anh Hồ H là 765.000.000đ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết phải trả hết các khoản nợ chung, sau đó mới chia tài sản.

3. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn H, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 3/2016, anh H có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim C, anh Võ Văn C mượn tổng số tiền là 450 Man Nhật (tương đương 945.000.000 đồng Việt Nam), số tiền này anh H cho chị C, anh C mượn làm 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Vào tháng 5/2015 tại nhà của anh C, chị C ở Japan, anh H đã đưa tiền mặt cho chị C, anh C mượn 300 Man;

Lần 2: Anh H nhờ người ở Việt Nam tên là Nguyễn Phạm Đăng K chuyển vào tài khoản của chị C 100 Man (quy đổi thành 174.743.000 đồng Việt Nam);

Lần 3: Anh H đã chuyển khoản và đưa tiền mặt tại Việt Nam cho chị C, anh C mượn 50 Man.

Nay chị Nguyễn Thị Kim C và anh Võ Văn C có tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, anh H yêu cầu chị C, anh C phải trả nợ cho anh số tiền đã mượn là 450 Man Nhật (tương đương 945.000.000 đồng Việt Nam), anh không yêu cầu tính lãi.

4. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X, thể hiện:

Năm 2001, bà qua Nhật ở với con gái bà là chị Nguyễn Thị Kim C và chồng của chị C là anh Võ Văn C. Bà qua Nhật làm công, chăm sóc cho gia đình người Nhật và bà dành dụm được khoảng 280 Man Nhật, tương đương 566.000.000đ tiền Việt Nam. Con bà là chị Nguyễn Thị Kim C có mượn của bà số tiền này để mua nhà ở Việt Nam, mà hiện nay là căn nhà 56 N, thành phố Q đến nay chị C vẫn chưa trả. Nay chị Nguyễn Thị Kim C và anh Võ Văn C yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, bà yêu cầu chị C phải trả nợ cho bà số tiền đã mượn là 566.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

5. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Ngọc H, thể hiện:

Theo thông báo thụ lý vụ án, anh được biết chị Nguyễn Thị Kim C và anh Võ Văn C yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Anh yêu cầu chị C, anh C phải trả cho anh số tiền còn thiếu theo Hợp đồng xây dựng nhà số 36/HĐ-XD về việc thi công xây dựng nhà tại 56 N, thành phố Q là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), anh không yêu cầu tính lãi.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, 201, 246, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn anh Võ Văn C, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Ngọc H về nội dung: Anh C, chị C đồng ý thanh toán cho anh Châu Ngọc H số tiền 50.000.000đ còn nợ của hợp đồng xây dựng nhà số 36/HĐ-XD về việc thi công xây dựng nhà tại 56 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Xác định nhà và đất tại Thửa đất số 110, Tờ bản đồ số 13, diện tích 42,07m² tại Tổ 42, khu vực 6, phường L và tài sản gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278 (nay là nhà, đất số nhà 56 N, thành phố Q) và 9,1m² theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND thành phố Q công nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Kim C là tài sản chung của anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị Kim C.

3. Giao chị Nguyễn Thị Kim C sở hữu, sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 110, Tờ bản đồ số 13, diện tích 42,07m² tại tổ 42, khu vực 6, phường L, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278 (nay là nhà, đất số nhà 56 N, thành phố Q) và 9,1m² theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND thành phố Q công nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Kim C sau khi chị C trả nợ chung cho anh Châu Ngọc H là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thanh toán cho anh Võ Văn C ½ giá trị nhà, đất sau khi chia là 3.886.367.070đ (Ba tỉ tám trăm tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi đồng).

4. Chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 110, Tờ bản đồ số 13, diện tích 42,07m² tại tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278 (nay là nhà, đất số nhà 56 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định) và 9,1m² theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND thành phố Q công nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Kim C theo quy định của pháp luật.

5. Chị Nguyễn Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Hồ Văn H 945.000.000đ (Chín trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và trả nợ cho bà Lê Thị X 766.000.000đ (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/5/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Hồng Nam kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 07/5/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hà Văn Bình kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 07/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 24/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình định để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện và Đơn kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày giữ nguyên Đơn kháng cáo. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bản án sơ thẩm quyết định giải quyết không hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất và số tiền 960.456.050đ được gửi tại Tài khoản số 0109800777 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – chi nhánh Bình Định đứng tên chị Nguyễn Thị Kim C. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm chỉ giải quyết đối với nhà, đất. Đối với yêu cầu chia số tiền 960.456.050đ thì Tòa án không giải quyết, mặc dù bị đơn đã thừa nhận. Từ đó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình định để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm tố tụng như: Không triệu tập bà Nguyễn Thị Diệu H để làm rõ nguồn tiền góp chung giữa anh C và chị C trong việc mua nhà đất của bà H. Không triệu tập bà Nguyễn Thị Diệu P để làm rõ số tiền mượn, góp để xây dựng nhà giữa anh C và chị C. Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ việc nợ bà X từ 566 triệu đồng lên 766 triệu đồng. Số tiền 960.456.050đ chị C đã chi tiêu trong gia đình hết, nên không còn để chia. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình định để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị phúc thẩm nêu trên là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Võ Văn C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất gắn tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, có diện tích 42,7m² tọa lạc tại tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q và 960.456.050đ gửi tại Tài khoản số 0109800777 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – chi nhánh Bình Định đứng tên chị Nguyễn Thị Kim C. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đối với tài sản chung là nhà, đất gắn tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, có diện tích 42,7m² tọa lạc tại tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q. Riêng số tiền 960.456.050đ bản án sơ thẩm có nhận định nhưng phần quyết định lại không giải quyết. Chị C cho rằng số tiền này đã chi tiêu trong gia đình hết nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được anh C thừa nhận. Bản án sơ thẩm đã vi phạm khoản 1 Điều 96, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình định để giải quyết lại theo

đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 07/5/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Ngày 24/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị nêu trên là trong thời hạn luật định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Võ Văn C yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết chia tài sản chung với bà Nguyễn Thị Kim C gồm:

- Nhà gắn liền với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 có diện tích 42,7m² tại tổ 42, khu vực 6, phường L, thành phố Q đã được chỉnh lý biên động vào ngày 29/3/2013 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278 và 9,1m² đất UBND thành phố Q bán cho anh C, chị C theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND ngày 04/12/2015. Tổng diện tích của là 51,17m².

- Tiền mặt 960.456.050đ được gửi tại Tài khoản của chị Nguyễn Thị Kim C số 0109800777 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – chi nhánh Bình Định và tiền lãi.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Còn bị đơn trình bày không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đó đối với số tiền 960.456.050đ mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết thì bị đơn cho rằng đã chi tiêu chung gia đình trong thời kỳ hôn nhân, do đó không còn để chia theo yêu cầu của nguyên đơn. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, nên vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm. Bản án nhận định tại mục [3.3] “Về yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn anh Võ Văn C đối với số tiền 960.456.050đ (tính đến ngày 01/9/2016) được gửi tại Tài khoản số 0109800777 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – chi nhánh Bình Định đứng tên chị Nguyễn Thị Kim C, xét thấy: Về số tiền này, anh C yêu cầu chia nhưng tính đến ngày anh C khởi kiện số tiền này không còn tồn tại trong tài khoản của chị C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – chi nhánh Bình Định. Hơn nữa chị C trình bày số tiền này đã sử dụng chung trong gia đình khi hôn nhân giữa chị và anh C vẫn tồn tại. Vì tài sản không còn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải

quyết. Do đó, không chấp nhận yêu cầu chia số tiền 960.456.050đ này của nguyên đơn”. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không quyết định giải quyết đối với số tiền 960.456.050đ này là chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tuân thủ đúng Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được.

[2.3] Chấp nhận kháng nghị số 15/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng cáo của bị đơn hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Kim C và bà Lê Thị X không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng nghị số 15/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng cáo của bị đơn hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Kim C và bà Lê Thị X không phải chịu. Hoàn trả cho ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị Kim C mỗi người 300.000đ đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA-2021/0000033 ngày 21/5/2021, số AA-2021/0000032 ngày 14/5/2021 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

Đặng Kim Nhân

Trần Quốc Cường